

Bản án số: 239/2024/HSPT

Ngày: 30-5-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Cường

Các thẩm phán: Ông Phạm Ngọc Thái

Ông Đặng Kim Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Ngọc Gia Linh, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Thành, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa trực tuyến xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 203/2024/TLPT-HS ngày 22 tháng 4 năm 2024 đối với bị cáo Bùi Bá N về tội “*Giết người*” và “*Cướp tài sản*”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2024/HSST ngày 15/3/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 843/2024/QĐXXPT-HS ngày 09 tháng 5 năm 2024.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: Bùi Bá N; Tên gọi khác: Bùi Văn N1; Giới tính: Nam. Sinh năm 1968, tại tỉnh Thanh Hóa. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Nơi ở hiện tại: Thôn D, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Mường; tôn giáo: Không. trình độ học vấn: 5/12; nghề nghiệp: Lao động tự do. Họ và tên cha: Bùi Bình T (đã chết); họ tên mẹ: Bùi Thị Đ (đã chết); gia đình bị cáo có 08 anh chị em, bị cáo là con thứ tư trong gia đình. Bị cáo có vợ: Bùi Thị T1, sinh năm 1972 (đã ly hôn); bị cáo có người 02 con, lớn sinh năm 1993, nhỏ sinh năm 1995. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Năm 2009, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 30 tháng tù giam về tội Tàng trữ vũ khí quân dụng và tội Trộm cắp tài sản, theo bản án số 09/2009/HSST ngày 06/5/2009. Ngày

30/8/2010 được đặc xá tha tù trước thời hạn (đã chấp hành xong hình phạt và nộp án phí).

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/6/2023 cho đến nay, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đ, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Văn C - Luật sư thuộc Văn phòng L1 - Đoàn Luật sư tỉnh Đ, có đơn xin xét xử vắng mặt và gửi Luận cứ bào chữa.

Bị hại:

+ Bà Phạm Thị T2; sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

+ Chị Chu Thị P; sinh năm 2000; địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị T2; địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị H; sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn D, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2004, Bùi Bá N, sinh năm 1968 (trú tại thôn A, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa) và bà Phạm Thị T2, sinh năm: 1976 (trú tại thôn A, xã E, huyện E) có quan hệ tình cảm và sống với nhau như vợ chồng tại thôn E, xã E, huyện E nhưng không đăng ký kết hôn. Đến năm 2009, N phạm tội Trộm cắp tài sản và bị Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa tuyên phạt 30 tháng tù giam. Đến ngày 30/8/2010 được đặc xá về sinh sống, làm việc tại xã E, huyện E và tìm gặp lại được bà T2. Sau đó, N cùng bà T2, chị Chu Thị P, sinh năm 2000, (là con ruột của bà T2) thuê một ngôi nhà ở thôn E, xã E, huyện E để chung sống. Khoảng tháng 5/2012, bà Phạm Thị L (chị ruột của bà T2) lấy lý do N là người đã có tiền án và biết được việc N thường xuyên có hành vi đánh bà T2 nên ngăn cản không cho N với bà T2 tiếp tục chung sống và mai mối bà T2 cho người đàn ông khác. Đến ngày 06/6/2012, bố ruột N chết tại quê nhà nhưng bà T2 không về để lo ma chay nên N với bà T2 xảy ra mâu thuẫn gay gắt. Sau khi không giải quyết được mâu thuẫn thì N và bà T2 thống nhất ngày 24/7/2012 sẽ đi chơi tại tỉnh Khánh Hòa rồi chấm dứt mối quan hệ tình cảm với nhau. Khoảng 04 giờ ngày 24/7/2012, bà T2 dậy sớm để nấu cơm và cho rằng N dẫn mẹ con bà T2 đi chơi là để giết mẹ con bà T2 trên đường đi nên không đồng ý đi cùng. Ninh bực tức nên lấy 01 con dao mũi nhọn hay để ở dưới gối trên đầu giường ngủ ở phòng bếp rồi tiến đến sau lưng bà T2, cầm dao bằng tay phải đâm 01 nhát trúng vào lưng phải và mũi dao xuyên qua ngực phải của bà T2. Chị P nghe

bà T2 tri hô thì chạy xuống bếp để can ngăn. Ninh rút con dao ra khỏi lưng bà T2 và tiếp tục cầm dao bằng tay phải chém nhiều nhát theo hướng ngang trúng vào vùng tay, vùng ngực của chị P. Tiếp đó, N cầm dao yêu cầu bà T2 chỉ nơi cất giấu chìa khóa xe mô tô. N lấy được 02 điện thoại di động và 01 xe mô tô biển số 61L2-1416 rồi điều khiển xe bỏ chạy về hướng tỉnh Phú Yên. Trên đường đi, N đã bán xe mô tô biển số 61L2-1416 cho một tiệm sửa xe bên đường với giá bán là 900.000 đồng để lấy tiền đi đường, còn 02 điện thoại di động đã bị rơi mất. Sau khi bỏ trốn N biết được Cơ quan Công an truy tìm và đã ra Quyết định truy nã đối với N nên đã đi lang thang nhiều nơi để bỏ trốn. Đến ngày 26/6/2023, Bùi Bá N đến Công an huyện N, tỉnh Thanh Hóa để đầu thú.

- Tại Bản kết luận giám định pháp y thương tích số 975/PY-TgT ngày 09/8/2012 của Trung tâm pháp y tỉnh Đ kết luận, thương tích của bà Phạm Thị T2 như sau:

+ Vết thương sau lưng phải dài 5cm, đứt cơ. Vết thương trước ngực phải dài 3cm, thẳng ngực, tổn thương cơ ngực lớn, tràn khí dịch màng phổi.

Tỷ lệ phần trăm thương tích của bà Phạm Thị T2 tại thời điểm giám định là 25%.

- Tại Bản kết luận giám định số 976/PY-TgT ngày 09/8/2012 của Trung tâm pháp y tỉnh Đ, thể hiện thương tích của chị Chu Thị P như sau:

Rách da cằm 5cm x 2cm. Vết thương đòn ngực trái 2,5cm x 1,5cm. Vết thương nách trái 2,5cm x 1cm. Vết thương cánh tay trái 2cm x 1cm.

Chụp X-Q: Tràn khí dưới da nách trái và cánh tay trái; mất liên tục bờ xương 1/3 giữa xương cánh tay trái và cung sườn 4 nách trái.

Tỷ lệ phần trăm thương tích của chị Chu Thị P tại thời điểm giám định là 16%.

- Tại Bản kết luận định giá tài sản số 36/KL-HĐ334 ngày 22/8/2023 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự số của huyện E, kết luận:

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu FATAKI, biển số 61L2-1416, số khung: 30002806, số máy: 002806, loại xe nữ, màu sơn đỏ. Thời điểm định giá ngày 24/7/2012, giá trị còn lại là 2.940.000đ.

- 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung, loại bấm phím. Thời điểm định giá ngày 24/7/2012, giá trị còn lại là 664.000đ.

- 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu FPT, loại bấm phím. Thời điểm định giá ngày 24/7/2012, giá trị còn lại là 250.000đ.

Tổng giá trị tài sản là 3.854.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2024/HSST ngày 15/3/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Bùi Bá N phạm tội “Giết người” và “Cướp tài sản”.

Căn cứ các điểm a, b, e, n khoản 1 Điều 123 và khoản 1 Điều 168; Điều 15; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 55; khoản 3 Điều 57 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Bá N **18** (mười tám) năm tù về tội “Giết người” và **05** (năm) năm tù về tội “Cướp tài sản”, tổng hợp hình phạt hai tội buộc bị cáo Bùi Bá N phải chấp hành hình phạt chung là **23** (hai mươi ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/6/2023.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/3/2024, bị cáo Bùi Bá N kháng cáo xin giảm hình phạt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt.

Trong luận cứ bào chữa, Luật sư Nguyễn Văn C bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, xem xét ý kiến của Luật sư và quan điểm của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, Luật sư Nguyễn Văn C có đơn xin xét xử vắng mặt và gửi Luận cứ bào chữa cho bị cáo. Bị cáo Bùi Bá N đồng ý tự bào chữa và đề nghị Hội đồng tiến hành xét xử vụ án.

Bị cáo Bùi Bá N thừa nhận hành vi và tội danh như Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là đúng, chỉ giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm hình phạt.

[2] Lời khai của bị cáo Bùi Bá N tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, cụ thể:

Do ý thức coi thường pháp luật, coi thường tính mạng, sức khỏe và tài sản của người khác nên vào khoảng 04 giờ ngày 24/7/2012 tại Thôn E, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, xuất phát từ mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống, bị cáo Bùi Bá N đã có hành vi dùng dao đâm 01 nhát phía sau vào vùng lưng xuyên qua ngực phải của bà Phạm Thị T2 gây thương tích 25%; chị Chu Thị P đến can ngăn thì bị cáo dùng dao chém nhiều nhát về phía chị P trúng vào vùng tay trái, ngực trái của chị P, gây thương tích 16%. Sau đó, bị cáo cướp 02 chiếc điện thoại di động và 01 xe mô tô BKS 61L2-1416 rồi bỏ trốn, tổng giá trị tài sản là 3.854.000 đồng.

Xét thấy, bị cáo đã có hành vi dùng dao (hung khí nguy hiểm) để đâm, chém nhiều nhát vào vùng ngực, lưng là vùng trọng yếu của các bị hại, gây tổn thương cơ thể là 25%, 16%, nếu các bị hại không được cấp cứu kịp thời thì có

thể nguy hiểm đến tính mạng. Sau đó, bị cáo tiếp tục cướp 02 chiếc điện thoại di động và 01 xe mô tô BKS 61L2-1416 với tổng giá trị tài sản là 3.854.000 đồng. Như vậy, đã có đủ cơ sở pháp lý để kết luận: Bị cáo Bùi Bá N đã phạm tội “Giết người”, ngay sau đó lại thực hiện một tội phạm rất nghiêm trọng khác là “Cướp tài sản”.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Bùi Bá N về tội “Giết người” theo quy định tại điểm a, b, e, n khoản 1 Điều 123 và tội “Cướp tài sản” khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật, phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Xét kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: tính chất, mức độ hành vi phạm tội do bị cáo gây ra là đặc biệt nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe và tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo trước đó đã bị Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc xử phạt về tội "Tàng trữ vũ khí quân dụng", "Trộm cắp tài sản" nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học mà lại tiếp tục phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, ngay sau đó lại thực hiện một tội phạm rất nghiêm trọng khác.

Khi xét xử sơ thẩm, Tòa án đã xem xét áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường 50.000.000 đồng cho các bị hại; được bị hại làm đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo là đồng bào dân tộc thiểu số. Đây là các tình tiết được quy định điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo phạm tội Giết người thuộc trường hợp chưa đạt quy định tại Điều 15, khoản 3 Điều 57 Bộ luật Hình sự. Bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với 4 tình tiết định khung quy định tại khoản 1 Điều 123 BLHS. Từ đó tuyên phạt bị cáo mức án 18 năm tù về tội ‘Giết người’ và 5 năm tù về tội “Cướp tài sản” là tương xứng với tính chất hành vi và hậu quả của vụ án; bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới nào nên kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận. Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên Bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo.

Về án phí phúc thẩm hình sự: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Bá N (tên gọi khác: Bùi Văn N1), giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Căn cứ các điểm a, b, e, n khoản 1 Điều 123 và khoản 1 Điều 168, Điều 15; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 55; khoản 3 Điều 57 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Bá N **18** (mười tám) năm tù về tội “Giết người” và **05** (năm) năm tù về tội “Cướp tài sản”, tổng hợp hình phạt hai tội buộc bị cáo Bùi Bá N phải chấp hành hình phạt chung là **23** (hai mươi ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/6/2023.

[2] Về án phí hình sự phúc thẩm:

Bị cáo Bùi Bá N phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Cường